

Bản án số: 97/2019/HS-PT
Ngày: 10-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trinh.

Các Thẩm phán: Ông Thái Quang Hải.

Ông Nguyễn Hoàng Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Phi Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10-9-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 117/2019/TLPT-HS ngày 2-8-2019, đối với các bị cáo Võ Văn C1 và Trương Văn C2, do có kháng cáo của bị cáo Trương Văn C2 và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, đối với bản án hình sự sơ thẩm số 22/2019/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Văn C1 sinh năm 1990, tại huyện Đ, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Văn H và bà: Trần Thị Bé N; có vợ: Lê Kim N1 và 3 con: Lớn nhất sinh năm 2011 - nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Trương Văn C2 sinh năm 1986, tại huyện Đ, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm Thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn Q và bà: Nguyễn Thị D; có vợ: Trần Thị N2 và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4-2016, Võ Văn C1 đến làm thuê tại công ty TNHH MTV KD CB LT X - xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ. Từ ngày 15-1-2018, công ty này chuyển đổi thành công ty CP NN Công nghệ cao X - xã P, huyện Đ, thành phố Cần Thơ (BL.69). Tại đây, C1 được giao nhiệm vụ bơm trấu xuống các phương tiện vận chuyển, đồng thời theo dõi vận hành các cân điện tử khi bơm trấu. Sau khi nắm được cơ chế hoạt động của các cân này, C1 đã có ý định trộm cắp trấu, để bán, lấy tiền tiêu xài riêng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 9-2017 đến tháng 11-2018, C1 đã móc nối với Trương Văn C2 - là bảo vệ và Huỳnh Văn C3 (C3 Nhỏ) - là tài công trên ghe chở trấu. Nhiệm vụ của mỗi người như sau:

- C1 chịu trách nhiệm cho dừng cân điện tử.
- C2 canh chừng, sẽ gọi điện thoại, báo cho C1, khi có người khác đến khu vực kho trấu.
- C3 bán trấu, rồi giao tiền cho C1, để chia nhau.

Sau khi phát hiện thất thoát một lượng lớn trấu, Lãnh đạo của công ty đã làm việc với C1 và C1 đã khai nhận hành vi trộm cắp. Sau đó, C1 lánh mặt. Lãnh đạo của công ty đã trình báo với Công an xã P, huyện Đ.

C1 và C2 khai nhận: đã trộm cắp trấu 18 lần. 2 lần đầu, C1 chỉ trộm từ 3,2 đến 3,5 tấn/lần (30 phút), bán với giá 3.500.000đ đến 3.700.000đ/lần. Các lần sau, trộm khoảng hơn 9 tấn/lần (50-55 phút). Tổng cộng, khoảng 167,5 tấn. C1 xác định: Số tiền mà C3 đã bán, rồi giao cho C1 là 141.500.000đ. C1 chia cho: C3 36.000.000đ, C2 33.500.000đ. Số tiền còn lại là 72.000.000đ, C1 giữ và tiêu xài riêng.

Theo kết quả định giá, số trấu bị thất thoát có giá như sau:

- 167,5 tấn vào thời điểm từ tháng 9-2017 đến tháng 11-2017: 138.522.500đ. Trong đó:
 - + 6 tấn vào thời điểm tháng 9-2017: 5.034.000đ.
 - + 9,7 tấn vào thời điểm từ tháng 9-2017 đến tháng 11-2017: 8.021.900đ.

C1 và C2 đã nộp 79.000.000đ, bồi thường cho công ty X. Phía công ty đã bãi nại.

Tại bản án số 22/2019/HS-ST ngày 19-6-2019, Tòa án nhân dân huyện Đ đã áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: - Võ Văn C1 01 năm tù.

- Trương Văn C2 9 tháng tù.

Ngoài ra, còn có quyết định về án phí trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm:

- Ngày 2-7-2019, bị cáo C2 nộp đơn kháng cáo, xin hưởng án treo, do bản thân bị gãy chân sau tai nạn giao thông và hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Ngày 18-7-2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ kháng nghị, đề nghị tăng mức hình phạt đối với các bị cáo Võ Văn C1 và Trương Văn C2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C2 vẫn giữ nguyên kháng cáo, xin hưởng án treo. Bị cáo C1 xin chấp hành theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên giữ nguyên Kháng nghị số 17/QĐ-VKS-P7 ngày 18-7-2019, nhận định: Các bị cáo phạm tội có tổ chức và phạm tội rất nhiều lần. Nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tăng mức hình phạt đối với các bị cáo, nhằm đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tại địa phương.

Không có ai cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Trong quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ khác tại hồ sơ vụ án.

[1.1] Vì tham lam và lười lao động, các bị cáo đã cấu kết thành nhóm, để thực hiện hành vi trộm cắp. Mỗi người thực hiện một việc riêng, xuất phát từ vị trí làm việc, đã được phân công. Các bị cáo trộm cắp rất nhiều lần, cho đến khi bị phát hiện. Giá trị tài sản đã chiếm đoạt, theo kết quả định giá là 138.522.500đ. Còn theo số tiền đã thu được là 141.500.000đ. Xét xử các bị cáo theo các điểm a và e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[1.2] Trong vụ án này bị cáo C1 là chủ mưu, cầm đầu. Bị cáo đã rủ rê những đồng phạm khác, lên kế hoạch phạm tội, cũng như trực tiếp dùng cân điện tử, rồi phân chia tiền bán trấu.

Bị cáo C2 là đồng phạm, với vai trò rất quan trọng. Bị cáo được phân công làm bảo vệ công ty nói chung và kho trấu nói riêng. Bị cáo đồng thời theo dõi việc xuất trấu.

[2] Hiện nay tội phạm này xảy ra rất nhiều, xâm phạm nghiêm trọng quyền sở hữu về tài sản của người khác. gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Khi lượng hình, Tòa án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Giá trị tài sản chiếm đoạt, mỗi lần, là từ 3.500.000đ đến hơn 10.000.000đ. Đã thực hiện 18 lần trộm cắp. Đối với các bị cáo còn phải áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo C2 đã không nhìn nhận hành vi phạm tội ngay từ đầu (BL. 168-173) và chỉ khai nhận khi đối chất với C1 (BL. 174-175). Trong quá trình điều tra sau đó, bị cáo khai chưa thành khẩn. Cụ thể như sau:

- Về số tiền đã nộp, để bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã xác định: C1 đã nộp 43.000.000đ, C2 đã nộp 36.000.000đ, trong số 79.000.000đ đã nộp để bồi thường thiệt hại. C2 có nợ riêng C1 15.000.000đ. Như vậy, là C1 đã nộp 58.000.000đ và C2 đã nộp 21.000.000đ. Còn trong quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm, các bị cáo khai không thống nhất với nhau. Bị cáo C2 luôn khai - đã nộp đầy đủ.

- Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19-6-2019, bị cáo phủ nhận việc đồng phạm với C1, cho rằng chỉ làm ngơ (BL. 392). Mặc dù đã thừa nhận đầy đủ trong quá trình điều tra, sau khi đối chất với C1, cũng như tại phiên tòa ngày 12-3-2019 (BL. 321-322).

Khi lượng hình, cần xem xét cả mức độ thành khẩn của từng bị cáo trong vụ án.

Mức hình phạt đã tuyên, đối với bị cáo như vậy, là còn nhẹ, so với yêu cầu phòng chống tội phạm này chung trong xã hội. Do vậy, cần tăng mức hình phạt đối với các bị cáo, như kết luận của Kiểm sát viên.

[3] Số tiền đã nộp để bồi thường thiệt hại là 79.000.000đ. Lãnh đạo công ty X tự nguyện, không yêu cầu tiếp tục bồi thường.

So với số tiền bán trấu đã thu được là 141.500.000đ, còn chênh lệch. C1 chia cho C2 33.500.000đ, C3 36.000.000đ và giữ lại 72.000.000đ. Lẽ ra, phải buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền do phạm tội mà có, để sung quỹ nhà nước, theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999. Điều 47 Bộ luật hiện hành không có quy định khác. Cụ thể là: C1 phải nộp 14.000.000đ và C2 phải nộp 12.500.000đ.

Do không có kháng nghị, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Văn C2.

Chấp nhận Kháng nghị số 17/QĐ-VKS-P7 ngày 18-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Võ Văn C1 và Trương Văn C2 phạm tội **Trộm cắp**

tài sản.

Căn cứ vào các điểm a và e khoản 2 Điều 138; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 20 và 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: - Võ Văn C1 02 (hai) năm tù.

- Trương Văn C2 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành.

Bị cáo C2 phải nộp 200.000đ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nơi nhận:

- Viện KSND TPCT;
- Sở tư pháp TPCT;
- Công an TPCT;
- Cơ quan tổ tụng huyện Đ;
- Bị cáo và những người TGTT;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Trinh